

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN
QUỸ ĐẤT TỈNH TÂY NINH
CHI NHÁNH KHU VỰC 4

Số: 06 /TTr.CNKV4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gò Dầu, ngày 18 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án công trình
phân pha dây dẫn đường dây 110kv 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu**

Kính gửi:

- UBND xã Phước Thạnh;
- Phòng Kinh tế.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Ban hành Bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây



trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất và mức bồi thường cụ thể khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định 1110/QĐ-EVN SPC ngày 09/3/2017 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu;

Căn cứ Quyết định 4293/QĐ-EVN SPC ngày 02/11/2017 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán Công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu;

Căn cứ Quyết định 171/QĐ-EVN SPC ngày 06/02/2023 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu;

Căn cứ Công văn 10514/VP-TH ngày 14/11/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về việc kết luận cuộc họp của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh cho ý kiến tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến thỏa thuận phương án “Cải tạo phân pha đường dây 110kV Trảng Bàng 2 - Bến Cầu” theo đề nghị của Công ty Điện lực Tây Ninh.

Căn cứ Thông báo số 175/TB-HĐTĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể huyện Gò Dầu về kết quả thẩm định giá đất cụ thể công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu;

Căn cứ cuộc họp ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định thông qua dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định dự án công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khu vực 4 đề nghị Phòng Kinh tế thẩm định, trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu, cụ thể như sau:

I. Sơ lược về dự án

- Tên Công trình: Phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu, đoạn qua xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh.

- Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực miền Nam.

- Địa điểm thực hiện dự án đi qua địa bàn xã Phước Thạnh (gồm các xã Phước Thạnh, Hiệp Thạnh và Phước Trạch cũ), tỉnh Tây Ninh.

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn khấu hao cơ bản và vốn tín dụng thương mại của Tổng công ty Điện lực miền Nam.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017 đến năm 2025.

II. Tóm tắt số liệu

1-Tổng diện tích thực hiện dự án địa bàn xã Phước Thạnh (gồm xã Phước Thạnh, Hiệp Thạnh và Phước Trạch cũ), tỉnh Tây Ninh: **174,24 m²**, trong đó:

- Diện tích đất thu hồi của các hộ gia đình, cá nhân: **174,24 m²**

2- Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án: **09** hộ

3- Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không có.

4- Phương án bố trí tái định cư: không có do chỉ thu hồi đất nông nghiệp

5- Số lượng mồ mả phải di dời: không có

6- Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

7- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác: dự kiến khoảng 221.000.000 đồng.

8- Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Đã tổ chức đo đạc, kiểm đếm tài sản trên đất để lập dự thảo phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư và tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng trong dự án.

Thời gian: Từ năm 2017 đến năm 2025.

III-Bồi thường về đất

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất: 21.857.440 đồng, trong đó:

- Xã Phước Thạnh cũ: **5.409.184 đồng.**

(38,72 m² x 139.700 đồng = 5.409.184 đồng).

- Xã Hiệp Thạnh cũ: **5.025.856 đồng.**

(38,72 m² x 129.800 đồng = 5.025.856 đồng).

- Xã Phước Trạch cũ: **11.422.400 đồng.**

(96,80 m² x 118.000 đồng = 11.422.400 đồng).

IV-Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất: không có

V-Bồi thường các loại cây trồng, vật nuôi

Tổng giá trị bồi thường cây trồng, vật nuôi: 627.264 đồng, trong đó

- Xã Phước Thạnh cũ: **139.392 đồng.**

Lúa chưa đến kỳ thu hoạch: 38,72 m² x 3.600 đồng = 139.392 đồng.

- Xã Hiệp Thạnh cũ: **139.392 đồng.**

Lúa chưa đến kỳ thu hoạch: 38,72 m² x 3.600 đồng = 139.392 đồng.

- Xã Phước Trạch cũ: **348.480 đồng.**

Lúa chưa đến kỳ thu hoạch: 96,80 m² x 3.600 đồng = 348.480 đồng.

VI-Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ ổn định đời sống

Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống: 150.480.000 đồng, trong đó:

- Xã Phước Thạnh cũ: **17.100.000 đồng.**



(5 nhân khẩu x 3.420.000 đồng = 17.100.000 đồng).

- Xã Hiệp Thạnh cũ: 30.780.000 đồng.

(9 nhân khẩu x 3.420.000 đồng = 30.780.000 đồng).

- Xã Phước Trạch cũ: 102.600.000 đồng.

(30 nhân khẩu x 3.420.000 đồng = 102.600.000 đồng).

2. Hỗ trợ di chuyển chỗ ở: không có

3. Hỗ trợ tiền thuê nhà: không có

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

Tổng kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền là: 14.374.800 đồng.

Trong đó:

- Xã Phước Thạnh cũ: 3.194.400 đồng

(38,72 m² x 82.500 đồng = 3.194.400 đồng).

- Xã Hiệp Thạnh cũ: 3.194.400 đồng

(38,72 m² x 82.500 đồng = 3.194.400 đồng).

- Xã Phước Trạch cũ: 7.986.000 đồng.

(96,80 m² x 82.500 đồng = 7.986.000 đồng).

5. Hỗ trợ tái định cư: không có

VII-Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Tổng giá trị BTHT (đồng)
I	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	187.339.504
1	Bồi thường về đất	21.857.440
2	Bồi thường hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc	0
3	Bồi thường cây trái hoa màu, vật nuôi	627.264
4	Chính sách hỗ trợ	164.854.800
II	Kinh phí tổ chức thực hiện BTHT&TĐC (2% kinh phí BTHT) (Khoản 2 Điều 3 Quyết định 44/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023)	15.000.000
III	Kinh phí dự phòng (10% kinh phí BTHT)	18.733.950
	Tổng cộng (I+II+III)	221.073.454

Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khu vực 4 đề nghị Phòng Kinh tế thẩm định, trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt, trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.CNKV4.

GIÁM ĐỐC

Đặng Tấn Bạo



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN
QUỸ ĐẤT TỈNH TÂY NINH
CHI NHÁNH KHU VỰC 4

Số: 06 /PA-CNKV4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Dầu, ngày 18 tháng 9 năm 2025

PHƯƠNG ÁN

BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN CÔNG TRÌNH
PHÂN PHA DÂY DẪN ĐƯỜNG DÂY 110KV 178 TRẮNG BÀNG 2 - BẾN CẦU

PHẦN I

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Ban hành Bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2024;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất và mức bồi thường cụ thể khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định 1110/QĐ-EVNSPC ngày 09/3/2017 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu;

Căn cứ Quyết định 4293/QĐ-EVN SPC ngày 02/11/2017 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán Công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu;

Căn cứ Quyết định 171/QĐ-EVNSPC ngày 06/02/2023 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu;

Căn cứ Thông báo số 175/TB-HĐTĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể huyện Gò Dầu về kết quả thẩm định giá đất cụ thể công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu;

Căn cứ cuộc họp ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thông qua dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu.

PHẦN II

TỔNG QUAN DỰ ÁN

I. Sơ lược về dự án

- Tên công trình: phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu, đoạn qua xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực miền Nam.
- Địa điểm thực hiện dự án tại xã Phước Thạnh (các xã Phước Thạnh, Hiệp Thanh và Phước Trạch cũ), tỉnh Tây Ninh.
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn khấu hao cơ bản và vốn tín dụng thương mại của Tổng công ty Điện lực miền Nam.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017 đến năm 2025.

II. Tóm tắt số liệu

1- Tổng diện tích thực hiện dự án địa bàn xã Phước Thạnh (gồm xã Phước Thạnh, Hiệp Thanh và Phước Trạch cũ), tỉnh Tây Ninh: **174,24 m²** (diện tích đất chân trụ thu hồi của các hộ gia đình, cá nhân).

2- Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án: **09** hộ

3- Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không có.

4- Phương án bố trí tái định cư: không có do chỉ thu hồi đất nông nghiệp.

5- Số lượng mồ mả phải di dời: không có

6- Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

7- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác: dự kiến khoảng 221.000.000 đồng.

8- Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Đã tổ chức đo đạc, kiểm đếm tài sản trên đất để lập dự thảo phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư và tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng trong dự án.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

I-Quy định chung

1-Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và các dự án khác trên địa bàn huyện được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2- Phương thức bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà cửa, công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây trồng các loại được thực hiện chi trả bằng tiền mặt (đồng Việt Nam).

II-Bồi thường về đất

1-Nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ

Nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ về đất được áp dụng theo quy định tại Điều 91 Luật Đất đai năm 2024.

2-Xác định diện tích bồi thường, loại đất bồi thường

a.Xác định diện tích bồi thường

- Căn cứ Điều 6 Nghị định 88/2024/NĐCP quy định bồi thường, hỗ trợ về đất khi nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất.

- Diện tích bồi thường được xác định là diện tích đo đạc thực tế do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Tây Ninh đo vẽ hiện trạng, trích lục và được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh thẩm định và phê duyệt.

b. Loại đất bồi thường

Trong dự án có 09 hộ gia đình, cá nhân phải thu hồi đất (có GCNQSDĐ hợp pháp): Loại đất bồi thường là loại đất được ghi trong giấy CNQSDĐ.

Trường hợp đối với các hộ gia đình, cá nhân chưa có GCNQSDĐ hợp pháp thì phải được UBND xã (nơi hộ dân có đất đang quản lý và sử dụng) xác nhận nguồn gốc đất, trong giấy xác nhận nguồn gốc đất phải có ghi loại đất để thu hồi.

3. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất



Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Ban hành Bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2024;

Căn cứ Thông báo số 175/TB-HĐTĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể huyện Gò Dầu về kết quả thẩm định giá đất cụ thể công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu;

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất: 21.857.440 đồng, trong đó:

- Xã Phước Thạnh cũ: **5.409.184 đồng.**

(38,72 m² x 139.700 đồng = 5.409.184 đồng).

- Xã Hiệp Thạnh cũ: **5.025.856 đồng.**

(38,72 m² x 129.800 đồng = 5.025.856 đồng).

- Xã Phước Trạch cũ: **11.422.400 đồng.**

(96,80 m² x 118.000 đồng = 11.422.400 đồng).

III-Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất: không có

IV-Bồi thường các loại cây trồng, vật nuôi

1. Nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ

Bồi thường cho toàn bộ các loại cây trồng gắn liền với đất bị thu hồi gồm: Cây trồng hàng năm, cây trồng lâu năm, hoa màu, cây kiểng...trong khu vực dự án theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai năm 2024.

2. Đơn giá bồi thường

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất và mức bồi thường cụ thể khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Tổng giá trị bồi thường cây trồng, vật nuôi: 627.264 đồng, trong đó

- Xã Phước Thạnh cũ: **139.392 đồng.**

Lúa chưa đến kỳ thu hoạch: 38,72 m² x 3.600 đồng = 139.392 đồng.

- Xã Hiệp Thạnh cũ: **139.392 đồng.**

Lúa chưa đến kỳ thu hoạch: 38,72 m² x 3.600 đồng = 139.392 đồng.

- Xã Phước Trạch cũ: **348.480 đồng.**

Lúa chưa đến kỳ thu hoạch: 96,80 m² x 3.600 đồng = 348.480 đồng.

V-Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ ổn định đời sống

1.1. Căn cứ thực hiện

Căn cứ Điều 19, Điều 20 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: “Hỗ trợ ổn định đời sống”;

Căn cứ Điều 14 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: “Hỗ trợ ổn định đời sống” như sau:

1.2. Điều kiện để được hỗ trợ

Theo Khoản 1, 2 Điều 19 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp nếu đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống”.

1.3. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo giá gạo trung bình ở tỉnh Tây Ninh do cơ quan chuyên môn công bố tại thời điểm lập phương án.

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp nếu đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống, cụ thể như sau:

- Thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi địa bàn xã thực hiện dự án thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

(1 nhân khẩu x 6 tháng x 30kg gạo x 19.000đ = 3.420.000 đồng).

- Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi địa bàn xã thực hiện dự án thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; nếu trường hợp phải di chuyển chỗ ở đến địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

(1 nhân khẩu x 6 tháng x 30kg gạo x 19.000đ = 3.420.000 đồng).

- Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi địa bàn xã thực hiện dự án thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

(1 nhân khẩu x 12 tháng x 30kg gạo x 19.000đ = 6.840.000 đồng).

Tổng kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống: 150.480.000 đồng, trong đó:

- Xã Phước Thạnh cũ: 17.100.000 đồng.

(5 nhân khẩu x 3.420.000 đồng = 17.100.000 đồng).

- Xã Hiệp Thạnh cũ: 30.780.000 đồng.

(9 nhân khẩu x 3.420.000 đồng = 30.780.000 đồng).



- Xã Phước Trạch cũ: 102.600.000 đồng.

(30 nhân khẩu x 3.420.000 đồng = 102.600.000 đồng).

2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

2.1. Đối tượng được hỗ trợ

Theo khoản 1,2,4 Điều 22 của Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định như sau:

“1. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 của Luật Đất đai là cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp mà tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó và không thuộc các trường hợp sau đây:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

b) Người hưởng lương hưu;

c) Người nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng;

d) Người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

2. Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 của Luật Đất đai là hộ đang sử dụng đất nông nghiệp có ít nhất một thành viên có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó (bao gồm cả thành viên phát sinh sau thời điểm sử dụng đất nông nghiệp) tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán đất, hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán vườn cây sử dụng đất để trồng mới, chăm sóc vườn cây, thu hoạch thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 109 của Luật Đất đai thì phải có hợp đồng giao khoán.”

2.2. Mức hỗ trợ

Căn cứ Điều 10 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh quy định “Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần (một phẩy năm lần) giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của UBND tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của UBND tỉnh và quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai”

2.3. Diện tích hỗ trợ

Đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi nhưng diện tích đất bị thu hồi được hỗ trợ tối đa không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp.

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cụ thể như sau:

- Áp dụng cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp hoặc hộ trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp có ít nhất một thành viên có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp (trong hộ hoặc cá nhân có ít nhất một nhân khẩu không hưởng lương thường xuyên đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội).

Tổng kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền là: 14.374.800 đồng.

- Xã Phước Thạnh cũ: 3.194.400 đồng

($38,72 m^2 \times 82.500 \text{ đồng} = 3.194.400 \text{ đồng}$).

- Xã Hiệp Thạnh cũ: 3.194.400 đồng

($38,72 m^2 \times 82.500 \text{ đồng} = 3.194.400 \text{ đồng}$).

- Xã Phước Trạch cũ: 7.986.000 đồng.

($96,80 m^2 \times 82.500 \text{ đồng} = 7.986.000 \text{ đồng}$).

PHẦN IV: TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA DỰ ÁN

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Tổng giá trị BTHT (đồng)
I	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	187.339.504
1	Bồi thường về đất	21.857.440
2	Bồi thường hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc	0
3	Bồi thường cây trái hoa màu, vật nuôi	627.264
4	Chính sách hỗ trợ	164.854.800
II	Kinh phí tổ chức thực hiện BTHT&TĐC (2% kinh phí BTHT) (Khoản 2 Điều 3 Quyết định 44/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023)	15.000.000
III	Kinh phí dự phòng (10% kinh phí BTHT)	18.733.950
	Tổng cộng (I+II+III)	221.073.454

(Hai trăm hai mươi một triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm năm mươi bốn đồng).

Trên đây là phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án công trình phân pha dây dẫn đường dây 110kV 178 Trảng Bàng 2 - Bến Cầu. Kiến nghị Phòng Kinh tế xem xét, thẩm định trình UBND xã Phước Thạnh phê duyệt để dự án sớm đưa vào thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Phước Thạnh;
- Phòng Kinh tế xã Phước Thạnh;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Minh Hiếu

**BẢNG TONG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ CỦA TỪNG HỘ
DỰ ÁN CÔNG TRÌNH PHÂN PHA DÂY DẪN ĐƯỜNG DÂY 110KV 178 TRẮNG BÀNG 2 - BẾN CẦU**

Địa điểm: xã Phước Thạnh, Hiệp Thạnh, Phước Trạch cũ, tỉnh Tây Ninh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CCCD	Tổng diện tích bị ảnh hưởng (m ²)	Tổng số tiền bồi thường về đất	Tổng tiền bồi thường Cây trái hoa màu	Tổng số tiền bồi thường Chính sách hỗ trợ	Tổng cộng	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
	VŨ THỊ THU HUYỀN	1970	004170001588	19,36	2.704.592	69.696	8.437.200	11.211.488	78 Đường số 4 Cư xá Đô Thành, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh	
	VŨ THỊ PHƯỢNG <small>Những người thừa kế hợp pháp theo pháp luật của ông Lê Văn Diễm (Chết), đại diện Lê Kim Thoại</small>	1978	072178001714	19,36	2.704.592	69.696	11.857.200	14.631.488	01/150-Khu phố Rạch Sơn, phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	
	ĐỒNG MINH TÌNH	1953	072153005852	19,36	2.512.928	69.696	18.697.200	21.279.824	Khu phố Hiệp Hòa, phường Thanh Điền (xã Hiệp Tân cũ), tỉnh Tây Ninh	
	NGUYỄN VĂN DƯỠNG	1984	079084007561	19,36	2.512.928	69.696	15.277.200	17.859.824	Số 48-50, đường Bầu Cát, phường Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	
	ĐẶNG VĂN MI	1962	072062008018	19,36	2.284.480	69.696	25.537.200	27.891.376	ấp Chánh, xã Phước Thạnh (xã Hiệp Thạnh cũ), tỉnh Tây Ninh	
	LÊ VĂN TUẤN	1946	072046000327	19,36	2.284.480	69.696	25.537.200	27.891.376	ấp Bầu Vũng, xã Phước Thạnh (xã Phước Trạch cũ), tỉnh Tây Ninh	
	NGUYỄN VĂN ĐỨC	1963	072063005497	19,36	2.284.480	69.696	15.277.200	17.631.376	ấp Bầu Vũng, xã Phước Thạnh (xã Phước Trạch cũ), tỉnh Tây Ninh	
	BÙI KIM THÀNH	1988	072088003321	19,36	2.284.480	69.696	28.957.200	31.311.376	ấp Bầu Vũng, xã Phước Thạnh (xã Phước Trạch cũ), tỉnh Tây Ninh	
	TỔNG CỘNG	1978	072078005371	19,36	2.284.480	69.696	15.277.200	17.631.376	ấp Bầu Vũng, xã Phước Thạnh (xã Phước Trạch cũ), tỉnh Tây Ninh	
				174,24	21.857.440	627.264	164.854.800	187.339.504		

Gò Dầu, ngày 18 tháng 9 năm 2025

Lập bảng

KT. GIÁM ĐỐC

PHỔ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Công Thuyết

Lê Minh Hiếu

